TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2018
V/v: "Ly hôn, Tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đình Ghi.

2. Ông Nguyễn Thế Toại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 456/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Thanh P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 253 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 300 đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/3/2018, bản tự khai ngày 26/4/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Thanh P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết H sau thời gian tìm hiểu được khoảng một năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày

04/01/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh tại Số 253 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến năm 2011 vợ chồng đến thuê nhà tại phòng 301, P1 khu chung cư B, phường P, Huế để ở riêng cho đến năm 2013, do anh chỉ có một mình con trai trong gia đình, nên vợ chồng anh phải chuyển về nhà cha mẹ anh tại 253 đường L, phường P, thành phố H để ở. Quá trình chung chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng mười năm, đến cuối năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống mỗi người trái ngược nhau, kinh tế không rõ ràng nên vào tháng 3/2016 chị Nguyễn Thị Tuyết H đã đến nhà mẹ vợ tại Số 300 đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế để ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phần người đó. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết H.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị Tuyết H có 02 con chung là: Cháu Hoàng Ngọc Gia L, sinh ngày 23/12/2004 và Hoàng Ngọc Phương T, sinh ngày 13/11/2009, hiện cháu Hoàng Ngọc Gia L đang được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Hoàng Ngọc Phương T đang được chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cháu Hoàng Ngọc Gia L cho đến lúc cháu trưởng thành; giao cháu Hoàng Ngọc Phương T cho chị Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cho đến lúc cháu trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 09/4/2018, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 174/2018/TB-TLVA và tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để chị Nguyễn Thị Tuyết H là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng chị H cũng không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà hôm nay, chị H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Thanh P, xử cho anh Hoàng Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc Gia L, sinh ngày 23/12/2004 cho anh Hoàng Thanh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Ngọc Phương T, sinh ngày 13/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Hoàng Thanh P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyết H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/01/2005, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, kinh tế gia đình không rõ ràng nên vào tháng 3/2016 chị Nguyễn Thị Tuyết H đã đến nhà cha mẹ chị H tại Số 300 đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế để ở. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, ai biết bổn phận người đó.

Tại các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh P, chị H từng sinh sống; cũng như cơ quan mà anh P công tác đều xác nhận rằng quá trình chung sống vợ chồng anh P và chị H có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vả từ cuối năm 2015, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình tình không hợp, quan điểm sống mỗi người trái trược nhau, kinh tế không rõ ràng nên khoảng vào tháng 3/2016 chị Nguyễn Thị Tuyết H đã đến nhà cha mẹ chị tại Số 300 đường D, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế để ở. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm lẫn nhau. Hội đồng xét xử đã có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh P và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn của anh Hoàng Thanh P, cho anh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh Hoàng Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết H có 02 con chung là: Cháu Hoàng Ngọc Gia L, sinh ngày 23/12/2004 và Hoàng Ngọc Phương T, sinh ngày 13/11/2009, hiện cháu Hoàng Ngọc Gia L đang

được anh Hoàng Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Hoàng Ngọc Phương T đang được chị Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu Hoàng Ngọc Gia L muốn ở với cha và cháu Hoàng Ngọc Phương T muốn ở với mẹ. Nên cần giao cháu Hoàng Ngọc Gia L cho anh Hoàng Thanh P tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cháu cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Ngọc Phương T cho chị Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Hoàng Thanh P công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Hoàng Thanh P công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Hoàng Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2013/004744 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Hoàng Thanh P đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Hoàng Thanh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc Gia L, sinh ngày 23/12/2004 cho anh Hoàng Thanh P tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cháu cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Ngọc Phương T, sinh ngày 13/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục chăm sóc, nuôi đưỡng cho đến lúc cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Hoàng Thanh P và chị Nguyễn Thị Tuyết H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Hoàng Thanh P công nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh P đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2013/004744 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Hoàng Thanh P đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường P,
thành phố H (anh P, chị H ĐKKH số: 02,
Quyển số: 01/2005, ngày 04/01/2005)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trọng Cẩn